

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 33/2017/HNGĐ-ST
Ngày 10-8-2017
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C-TỈNH PHÚ THỌ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Lợi

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện C, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: ông Hoàng Liên Sơn-Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C - tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2017/TLST-HNGĐ ngày 15/3/2017 về việc “tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2017/QĐST-HNGĐ ngày 15/7/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức Đ - sinh năm: 1982

Cư trú tại: Khu 5, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

- Bị đơn: Chị Vũ Thị D - sinh năm: 1984

Nơi ĐKKHKT: Khu 5, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Nay tạm trú tại: Ô 19B, khu phố 4, phường A, Thị xã T, tỉnh Bình Dương (Vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/3/2017 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn là anh Nguyễn Đức Đ trình bày: anh Đại và chị Vũ Thị D kết hôn với nhau ngày 17/5/2005, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở cùng nhà với bố mẹ đẻ anh Đ tại

khu 05- xã T - huyện C - tỉnh Phú Thọ một hồi gian nan, sau đó cùng nhau vào vào tỉnh Bình Dương làm thuê sinh sống. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2012 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn tới thường xuyên nói cãi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng hai bên không khắc phục được. Đến khoảng tháng 12/2014, anh Đ trở về xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ sinh sống cho đến nay, vợ chồng sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Đ yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C giải quyết cho ly hôn chị Vũ Thị D.

Tại bản tự khai ngày 08/6/2017, bị đơn là chị Vũ Thị D trình bày: Anh Đ trình bày về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời gian vợ chồng sống ly thân như trên là đúng. Theo chị D, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh Đ muốn về quê sinh sống, chị không đồng ý dẫn đến vợ chồng thường hay nói cãi nhau. Đến năm 2014, anh Đ cùng con chung về Phú Thọ sinh sống. Nay anh Đ yêu cầu ly hôn, chị D đồng ý.

Về con chung: Hai bên trình bày vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Phương M - sinh ngày 07/10/2006, hiện đang ở với anh Đ. Ly hôn, anh Đ xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Chị D đồng ý để anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/tháng cho đến khi con con chung đủ 18 tuổi. Cháu Nguyễn Thị Phương M trình bày là nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng muốn sống cùng bố đẻ là anh Nguyễn Đức Đ.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Hai bên trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định:

Về tố tụng dân sự: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 55; 58; Khoản 1, 2 Điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Điều 26 Luật thi hành án dân sự,

Xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đức Đ và chị Vũ Thị D.

- *Về con chung*: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Phương M - sinh ngày 07/10/2006, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về án phí*: Anh Nguyễn Đức Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Đức Đ và chị Vũ Thị D đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên đó là hôn nhân hợp pháp. Kết quả thu thập chứng cứ và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khoảng năm 2012. Nguyên nhân do không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống, dẫn tới vợ chồng thường xuyên nói cãi nhau. Từ tháng 12/2014 đến nay, vợ chồng sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến nhau. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng trong thực tế không còn, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên hai bên thuận tình ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận.

2. *Về con chung*: Sự thỏa thuận của các đương sự về con chung phù hợp với nguyện vọng của con chung và đảm bảo được ổn định sự phát triển của con chung, cần chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con chung, do anh Đ không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

3. *Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức*: Do các đương sự không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

4. *Về án phí*: Anh Nguyễn Đức Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 55; Điều 58; Khoản 1, 2 Điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật

tổ tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự;

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đức Đ và chị Vũ Thị D.

2. *Về con chung*:

2.1. Giao con chung là Nguyễn Thị Phương M - sinh ngày 07/10/2006 cho anh Nguyễn Đức Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

2.1. Chị Vũ Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con, vì anh Nguyễn Đức Đ không yêu cầu.

2.3. Chị Vũ Thị D có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Anh Nguyễn Đức Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003895 ngày 15/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Anh Đ đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho bị đơn hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2b);
- VKSND huyện C;
- UBND xã T;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Thắng